

Bản án số: 13/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 19/01/2026

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Cẩm Vân

Các hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quang Liêm và ông Lê Việt Long

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 289/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2025/QĐ-ST ngày 29 tháng 12 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Lê Tuấn T, sinh ngày 07/11/1988; căn cước công dân số: 030088017485; cấp ngày 09/10/2023; Nơi cư trú: Thôn Hàm H, xã Lạc P, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 21/01/1990; Căn cước công dân số: 030190005689; Nơi ĐKKH: Thôn Hàm H, xã Lạc P, thành phố Hải Phòng; Hiện đang cư trú tại Nhật Bản.

(Tại phiên tòa vắng mặt anh Tài, chị Tuyết)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn anh Lê Tuấn T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ cũ nay là xã Lạc Phượng, thành phố Hải Phòng vào ngày 13/9/2010. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng vui vẻ hạnh phúc đến năm 2018 anh đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan chị Tuyết ở nhà không chăm lo gì đến gia đình một phần do mâu thuẫn với mẹ chồng, từ lý do đó dẫn đến vợ chồng không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau. Năm 2023 anh về nước ở hẳn,

chị Tuyết đi lao động tại Nhật Bản, chị tự ý đi không nói gì với anh. Kể từ khi chị Tuyết đi đến nay chị không liên lạc gì với anh, vợ chồng không quan tâm đến nhau, chị Tuyết chỉ liên lạc về cho gia đình cho bố mẹ chị Tuyết, nay chị Tuyết ở địa chỉ nào anh không biết. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, hôn nhân không còn hạnh phúc, anh làm đơn xin ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Tuyết.

Về con chung: Anh và chị Tuyết có một con chung là Lê Quang T, sinh ngày 25/9/2012. Hiện nay cháu Thắng đang ở cùng với anh, khi ly hôn anh đề nghị được nuôi con. Anh tự nguyện không yêu cầu chị Tuyết cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại lời khai của bà Phạm Thị Mượt là mẹ đẻ chị Tuyết trình bày: Chị Tuyết là con gái bà, năm 2010 anh Tài và chị Tuyết kết hôn với nhau, việc kết hôn của anh chị là tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị sống vui vẻ hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng nhau, do mâu thuẫn với mẹ chồng đã có lần chị Tuyết đã phải về nhà bà ở một thời gian. Năm 2018 anh Tài đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, thời gian anh đi, anh cũng không có trách nhiệm gì với gia đình, con cái, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, không quan tâm đến nhau. Năm 2023 anh Tài về nước, chị Tuyết đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. **Hiện** tại chị Tuyết chưa về Việt Nam, địa chỉ cụ thể của chị Tuyết ở đâu bà không biết nhưng chị Tuyết vẫn thường xuyên liên lạc **qua điện thoại** về cho bà. Nay anh Tài có đơn xin ly hôn chị Tuyết, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn và theo quan điểm của chị Tuyết thông qua bà, chị Tuyết nhất trí ly hôn anh Tài và đồng ý để anh nuôi con Lê Quang T, sinh ngày 25/9/2012, hiện nay cháu Thắng đang ở với anh Tài, hiện nay chị Tuyết không có nhà nên đề nghị Tòa án giao cháu Thắng cho anh Tài nuôi dưỡng.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân xã Lạc Phượng thể hiện: Anh Tài, chị Tuyết có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cộng Lạc, huyện Tứ Kỳ cũ vào ngày 13/9/2010. Sau khi kết hôn anh chị sống vui vẻ hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Tài đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị Tuyết ở nhà sống chung với bố mẹ chồng đôi lúc có xảy ra va chạm. Năm 2023 anh Tài về Việt Nam ở hẳn, chị Tuyết đi lao động tại Nhật Bản và từ đó đến nay chị chưa về Việt Nam. Do chị không có mặt tại địa phương nên mâu thuẫn vợ chồng anh chị cụ thể thế nào địa phương không nắm được. Anh Tài, chị Tuyết có một con chung là Lê Quang T, sinh ngày 25/9/2012. Hiện nay cháu Thắng đang ở với anh Tài. Nay anh Tài có đơn xin ly hôn chị Tuyết, quan điểm địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và giải quyết việc nuôi con cho đảm bảo cuộc sống của cháu.

Tại phiên tòa anh Tài có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày. Chị Tuyết đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Lê Tuấn T được ly hôn chị Nguyễn Thị T. Về con chung: Giao con chung Lê Quang T, sinh ngày 25/9/2012 cho anh Tài nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Tài không yêu cầu chị Tuyết phải cấp dưỡng nuôi con. Về án phí: anh Tài phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; quan điểm đại diện Viện kiểm sát, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Tuấn T và bị đơn chị Nguyễn Thị T đều có hộ khẩu thường trú tại xã Lạc Phượng, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Theo văn bản trả lời của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Hải Phòng xác định chị Nguyễn Thị T đã xuất cảnh gần đây nhất ngày 01/02/2024, chưa có thông tin nhập cảnh.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã đề nghị gia đình chị Tuyết cung cấp địa chỉ của chị Tuyết, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình chị Tuyết cung cấp, chị Tuyết đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Bà Phạm Thị Mượt là mẹ đẻ chị Tuyết đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị Tuyết biết về nội dung văn bản của Tòa án. Tòa án cũng đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai chị Tuyết vẫn vắng mặt. Anh Tài đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Tuấn T và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cộng Lạc, huyện

Tứ Kỳ cũ nay là xã Lạc Phượng, thành phố Hải Phòng vào ngày 13/9/2010 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng vợ chồng không tin tưởng nhau, không tôn trọng nhau, không quan tâm đến nhau. Chị đi lao động tại Nhật Bản từ năm 2023 đến nay, vợ chồng không liên lạc với nhau. Anh Tài xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được, hôn nhân không còn hạnh phúc và làm đơn xin ly hôn chị Tuyết. Thông qua gia đình, chị Tuyết cũng có quan điểm đồng ý ly hôn anh Tài. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Tài và chị Tuyết đã trầm trọng, vợ chồng không ai quan tâm tới ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Tài ly hôn chị Tuyết là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình sống chung, anh chị có một con chung Lê Quang T, sinh ngày 25/9/2012. Từ khi chị đi lao động tại Nhật Bản cháu Thắng ở với anh Tài. Để ổn định cuộc sống cho con, khi ly hôn anh Tài đề nghị được nuôi con và tự nguyện không yêu cầu chị Tuyết cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện tại chị Tuyết đang ở Nhật Bản, cháu Thắng có nguyện vọng ở với anh Tài. Do vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống của con, cần tiếp tục giao cháu Lê Quang T cho anh Tài chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Tuyết không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Tài sản chung: Anh Tài không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Nguyên đơn anh Lê Tuấn T phải chịu án phí dân sự (về hôn nhân gia đình) sơ thẩm.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Luật số 85/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 - Sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật Tố tụng Hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 35; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; 238; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a, khoản 5; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho anh Lê Tuấn T ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. *Về con chung:* Giao con Lê Quang T, sinh ngày 25/9/2012 cho anh Lê Tuấn T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Tài không yêu cầu chị Tuyết cấp dưỡng nuôi con. Chị Tuyết có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về án phí:* Anh Lê Tuấn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự (Hôn nhân Gia đình) sơ thẩm. Đối trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh đã nộp, theo biên lai thu số **0005826** ngày 05/11/2025 của Thi hành án Dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Tài đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

4. *Về quyền kháng cáo:* Anh Lê Tuấn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 - Hải Phòng
- Phòng THADS khu vực 11 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- UBND xã Lạc phượng, TP Hải Phòng; nơi ĐKKH để ghi vào sổ hộ tịch; **ĐKKH** số 37, quyển số 01/2010 ngày 13/9/2010;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Cẩm Vân